

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-11-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Ông Phạm Quang Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1988.

Đăng ký HKTT: Thôn PC, xã QH, huyện QP, tỉnh TB.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản

Chị T về nghỉ phép tại Việt Nam từ ngày 04/10/2022 đến ngày 13/11/2022.

*** Bị Đơn:** Anh **Đặng Văn Q** - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn PC, xã QH, huyện QP, tỉnh TB.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1961.

- Bà **Nguyễn Thị N** - Sinh năm 1966.

Đều trú tại: Thôn PC, xã QH, huyện QP, tỉnh TB.

(Anh Q có mặt; Chị T, ông T, bà N có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt; Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Đặng Văn Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện QP, tỉnh TB ngày 25/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã QH và lao động tự do. Trong quá trình chung sống, do anh Q chơi bời, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên tháng 3/2018 chị phải đi sang Nhật Bản lao động để kiếm tiền trang trải nợ nần nhưng anh Q vẫn không tu chí làm ăn. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm mâu thuẫn và không quan T đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn anh Đặng Văn Q.

Chị và anh Đặng Văn Q có 02 con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 16/7/2008 và Đặng Phương L, sinh ngày 28/8/2015, hiện nay con chung đang do anh Q nuôi dưỡng. Ly hôn, cả hai con chung đều có đơn xin ở với chị, đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nuôi cả hai con chung và chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho chị được nuôi cả hai con chung, chị đề nghị Tòa án giải Q cho chị nuôi con lớn Đặng Phương T, để anh Q nuôi con Đặng Phương L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh Đặng Văn Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị về nghỉ phép tại Việt Nam đến ngày 13/11/2022 chị tiếp tục phải sang Nhật Bản lao động làm ăn nên chị không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

** Tại Bản tự khai, phiên hòa hòa giải - anh Đặng Văn Q trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện QP, tỉnh TB ngày 25/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi han, quan tâm đến nhau nhưng từ năm 2021 không rõ vì lý do gì, chị T chặn liên lạc với anh. Nay chị T xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 16/7/2008 và Đặng Phương L, sinh ngày 28/8/2015, hiện nay con chung đang do anh nuôi dưỡng. Do chị T vẫn phải sang Nhật Bản làm ăn không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được, ly hôn anh đề nghị Tòa án giải Q cho anh được nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do chị T đang lao động ở nước ngoài, nếu chị T nuôi con phải nhờ ông bà ngoại nuôi giúp nên anh không đồng ý để chị T nuôi hai con

chung hoặc nuôi con Đặng Phương T.

Anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa anh Đặng Văn Q trình bày:* Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị T xin ly hôn anh đồng ý. Anh nhất trí để chị T nuôi cả hai con chung Đặng Phương T, Đặng Phương L và đồng ý việc chị T nhờ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N (bố mẹ chị T) nuôi giúp con Đặng Phương T, con Đặng Phương L trong thời gian chị T lao động tại Nhật Bản. Do hiện nay anh lao động tự do thu nhập không ổn định, anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 1.500.000 đồng/2 con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Trường hợp bố mẹ chị T chăm sóc hai con chung không chu đáo, anh đề nghị được thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

** Tại Đơn trình bày - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, nay chị T xin ly hôn anh Đặng Văn Q, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q có 02 con chung là cháu Đặng Phương T, sinh ngày 16/7/2008 và cháu Đặng Phương L, sinh ngày 28/8/2015, nay chị T và anh Q ly hôn, hai cháu Thúy và Linh đều có đơn xin ở với chị T, đề nghị Tòa án xem xét cho chị T được nuôi cả hai con chung. Trường hợp chị T không được nuôi cả hai con chung, đề nghị Tòa án xem xét giao cho chị T nuôi con Đặng Phương T, anh Q nuôi con Đặng Phương L đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị T.

Do chị T về nghỉ phép tại Việt Nam từ ngày 04/10/2022 đến ngày 13/11/2022 chị T tiếp tục sang Nhật Bản lao động, làm ăn nên chị T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được, chị T ủy quyền cho ông bà nuôi con giúp chị T trong thời gian chị T đi lao động làm ăn ở nước ngoài đến khi chị T về nước, ông bà đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con chung của chị T, anh Q giữa ông bà và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, ông bà không thể đến Tòa án tham gia tố tụng, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện QP, tỉnh TB ngày 25/9/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi han, quan tâm đến nhau. Năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không chia sẻ giúp đỡ nhau trong việc làm ăn kinh tế gia đình, hai bên đã sống ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau từ năm 2021. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh Q đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Q là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q có 02 con chung là cháu Đặng Phương T, sinh ngày 16/7/2008 và cháu Đặng Phương L, sinh ngày 28/8/2015. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Q. Ly hôn, chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại phiên tòa, anh Q đồng ý giao hai con chung Đặng Phương T, Đặng Phương L cho chị T nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 1.500.000 đồng/2 con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Cháu Phương T và cháu Phương L đều có đơn đề nghị ở với mẹ. Do chị T đang lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con được, chị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N (bố mẹ chị T) nuôi giúp cháu Phương T, cháu Phương L trong thời gian chị T lao động tại Nhật Bản, các đương sự đều đồng ý. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi cháu Phương T, cháu Phương L giữa chị T và ông T, bà N hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Đặng Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung Đặng Phương T, sinh ngày 16/7/2008 và Đặng Phương L, sinh ngày 28/8/2015. Anh Đặng Văn Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, mỗi con 750.000 đồng/tháng, hai con là 1.500.000 đồng/tháng, tính từ tháng 11/2022 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N (bố mẹ chị T) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Phương T và cháu Đặng Phương L thay chị T trong thời gian chị lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị T nộp theo Biên lai số 0005494 ngày 18/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

4.2. Anh Đặng Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Đặng Văn Q; Vắng mặt chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- UBND xã QH, h. QP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo